TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-05-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị V với anh Ng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 630/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Bình Phước, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn Ng, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 29, ấp Bình Hưng, xã BM, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị với anh Ng sống chung năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Chí Cường, sinh ngày 21/10/2003 và Lâm Thị Mỹ Huyền, sinh ngày 20/4/2009. Hiện cháu Cường

đang sống chung với anh Ng, cháu Huyền sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu Huyền, chị đồng ý giao cháu Cường cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con và chị không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử, nhưng có bản tự khai đồng ý ly hôn với chị V và có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cường, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu Cường, cháu Huyền; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của bị đơn; Bản nguyện vọng của các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Lâm Văn Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh Ng đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 227, ngày 15/9/2009. Do đó, hôn nhân giữa chị V và anh Ng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp anh chị ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Ng vắng mặt không lý do. Thời gian ly thân là thời gian để vợ chồng suy ngẫm và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh chị đã không hàn gắn được. Cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị V yêu cầu ly hôn với anh Ng là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị V và anh Ng có hai con chung tên Lâm Chí Cường, sinh ngày 21/10/2003 và Lâm Thị Mỹ Huyền, sinh ngày 20/4/2009. Hiện cháu Cường đang do anh Ng chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Huyền hiện do chị V chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Huyền, anh Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Huyền. Cháu Cường có nguyện vọng được chung sống với anh Ng, cháu Huyền có nguyện vọng được chung sống với chị V. Xét yêu cầu của chị V, anh Ng, nguyện vọng của các cháu, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huyền cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Cường cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lâm Văn Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 227, ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã BM, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị V với anh Lâm Văn Ng có hai con chung tên Lâm Chí Cường, sinh ngày 21/10/2003 và Lâm Thị Mỹ Huyền, sinh ngày 20/4/2009.

Giao cháu Lâm Chí Cường cho anh Lâm Văn Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lâm Thị Mỹ Huyền cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị V, anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số: 0005584 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã BM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chào **Nguyễn Ngọc Đầy** **Lê Thị Hồng Thi**